TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2019/DS - PT
Ngày: 12/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2019/TLPT- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS – ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 240/2019/QĐ – PT ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T*, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 38/c, khu phố 3, thị trấn Bình Đại, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V*, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 309, khu phố 3, thị trấn Bình Đại, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn T1*, sinh năm 1949; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 309, khu phố 3, thị trấn Bình Đại, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Vào ngày 10/01/2014 âm lịch, bà có làm chủ hụi, hụi 5.000.000 đồng, mở hụi 2 lần cho một tháng, vào ngày mùng 10 và 25 hàng tháng, hụi có 24 thành viên. Bà Nguyễn Thị V tham gia một phần. Bà V hốt đầu vào ngày 10/01/2014 âm lịch, hốt hụi được số tiền 86.200.000 đồng. Sau khi hốt phần hụi của mình thì bà V đóng hụi chết được 11 phần, còn nợ lại 12 lần không đóng nên bà phải đóng thay cho bà V với số tiền là 60.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 25/12/2014 âm lịch. Bà còn nợ lại bà V số tiền 650.000 đồng nên hai bên kết nợ lại thì bà V còn nợ bà số tiền hụi là 59.350.000 đồng. Bà V có viết giấy nợ vào ngày 16/04/2015 âm lịch.

Vào ngày 08/08/2015 âm lịch, bà có cho bà V vay số tiền là 360.000.000 đồng để bà V trả nợ Ngân hàng, thời hạn vay là 05 ngày, lãi suất 5%/tháng. Từ lúc vay cho đến nay bà V không trả vốn, lãi. Khi vay bà V có làm giấy nợ đề ngày 08/08/2015 âm lịch.

Vào ngày 13/04/2015 âm lịch, bà có cho bà V vay số tiền là 328.800.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày, lãi suất 5%/tháng. Từ lúc vay cho đến nay bà V không trả vốn, lãi. Khi vay bà V có làm giấy nợ đề ngày 13/04/2015 âm lịch.

Tổng số tiền bà đã cho bà V vay là 688.800.000 đồng, tiền nợ hụi là 59.350.000 đồng. Bà T yêu cầu bà V trả vốn vay và hụi cho bà, yêu cầu bà V phải thanh toán cho bà tiền lãi suất theo quy định của pháp luật như sau:

- Giấy nợ vay ngày 08/08/2015 âm lịch (tức ngày 20/09/2015 dương lịch) tính cho đến thời điểm ngày 20/3/2019 là 42 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là: 360.000.000 đồng x 42 tháng x 0,75%/tháng = 113.400.000 đồng.

- Giấy nợ vay ngày 13/04/2015 âm lịch (tức ngày 30/05/2015 dương lịch) tính cho đến thời điểm ngày 30/3/2019 là 45 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là: 328.800.000 đồng x 45 tháng x 0,75%/tháng = 110.970.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà yêu cầu bà V phải trả là 224.370.000 đồng

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 phải liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 688.800.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến tháng 03/2019 với mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 224.370.000 đồng. Tiền nợ hụi là 59.350.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà V và ông T1 liên đới trả cho bà T số tiền 972.420.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị V, ông Huỳnh Văn T1 các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà V, ông T1 không tham gia tố tụng, nên không thu thập được lời khai của ông, bà.

Sau khi không hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS – ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T với bà Nguyễn Thị V, ông Huỳnh Văn T1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi".

2. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T tổng số tiền là 972.520.000 đồng (chín trăm bảy mươi hai triệu năm trăm hai chục nghìn đồng). Trong đó: số tiền vốn vay 688.800.000 đồng, nợ hụi 59.350.000 đồng, tiền lãi là 224.370.000 đồng.

3. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T tổng số tiền là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2019, ông Huỳnh Văn T1 kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung ông T1 chưa từng gặp bà T, việc vay tiền và chơi hụi của bà V và bà T ông hoàn toàn không biết nên khồng đồng ý cùng bà V liên đới trả tiền nợ hụi và tiền vay cho bà T. Ngày 30/8/2019, bà Nguyễn Thị V kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung ngày 08/8/2015 âm lịch bà và bà T đã thống nhất lại toàn bộ số tiền vay, lãi phát sinh đến ngày 08/8/2015 âm lịch là 1.650.000.000 đồng và bà T đã khởi kiện, Tòa án xét xử xong tại Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2019/DS-PT ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, nên các giấy nợ theo vụ kiện này bà không đồng ý. Bà kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Văn T1 vắng mặt. Bà V vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bà T không đồng ý kháng cáo của bà V. Hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T, buộc Nguyễn Thị V trả cho bà T số tiền hụi 59.350.000 đồng, các phần yêu cầu khác của bà T đề nghị không chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn T1 kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Nguyễn Thị V trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ T. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn T1 đã được tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đình chỉ kháng cáo của ông T1. (Cụ thể: lần 1 ngày 24/10/2019 và lần 2 ngày 12/11/2019)

[2] Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 cùng liên đới trả số tiền nợ hụi và tiền vay, lãi tổng cộng 972.520.000 đồng. Chứng cứ bà T cung cấp là giấy nợ vào ngày 16/04/2015 âm lịch (tiền hụi), giấy nợ đề ngày 08/08/2015 âm lịch (tiền vay) và giấy nợ đề ngày 13/04/2015 âm lịch (tiền vay). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của bà V trong các chứng cứ trên. Tại kết luận giám định số 100/2019/GĐTL ngày 08/05/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre đã kết luận: Chữ ký "V" và chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A đến A3) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M7) do cùng một người ký và viết ra. Tại phiên tòa hôm nay, bà V cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các giấy tờ nêu trên là của bà. Tuy nhiên, những giấy nợ đó đều là tiền vay, lãi phát sinh và đến ngày 08/8/2015 âm lịch bà T và bà V đã chốt nợ, bà V chỉ còn nợ bà T là 1.650.000.000 đồng và bà T đã khởi kiện, Tòa án xét xử xong tại Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2019/DS-PT ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, nên bà V không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T.

[3] Về phần tiền hụi, bà V tại phiên tòa thừa nhận không có trả cho bà T số tiền 15.000.0000 đồng theo biên nhận hụi đã ghi, bà V cũng thừa nhận chữ ký chữ biết trong biên nhận hụi là của bà. Bà V trình bày đây là tiền vay nợ chứ không phải tiền hụi nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, nên phần kháng cáo này của Vụ không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét tờ biên nhận ngày 08/8/2015 âm lịch có nội dung "Hôm nay ngày mùng 08/8/2015 âm lịch chị Mười có thiếu 360.000.000 (ba trăm sáu chục triệu) và tiền lãi' trong câu chữ thể hiện trên biên nhận có dấu hiệu không liên tục, chữ "và" viết dính liền với chữ liền trước và chữ liền sau, màu mực khác với những chữ còn lại, tại phiên tòa bà T cũng thừa nhận chữ "và" là do bà phát hiện ghi thiếu nên bà ghi thêm vào sau đó. Trong trường hợp chữ "và" được thêm vào thì nghĩa của câu chữ đã có sự thay đổi so với câu gốc ban đầu. Hơn nữa, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2019/DS-PT ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, bà T cũng khởi kiện yêu cầu bà V trả khoản nợ 1.650.000.000 đồng theo biên nhận cũng là ngày 08/8/2015 âm lịch. Bà V cho rằng không có lần nào trong cùng một ngày bà V mượn tiền bà T nhiều lần và

bà T cũng không thể có số tiền lớn như vậy để cho bà V mượn trong cùng một ngày. Lời khai này của bà V là phù hợp vì nếu trong cùng một ngày có sự việc mượn tiền thì bà T chỉ cần làm một biên nhận tiền. Mặt khác, biên nhận ngày 08/8/2015 âm lịch, bà V có ghi "tiền lãi chưa đóng". Xét tờ biên nhận ngày 13/4/2015 âm lịch bà T viết "chị Mười thiếu lại 328800…" bà V ký tên xác nhận và có ghi "tiền chưa đóng lãi". Cả hai biên nhận trên đều do bà T viết và lưu giữ. Bà V ký tên và thể hiện rõ là tiền lãi chưa đóng. Bà T ghi "thiếu lại" có nghĩa là chưa thực hiện xong nghĩa vụ trước đó, không có giao dịch mới được xác lập nên việc bà T cho rằng hai bên xác lập giao dịch dựa vào hai biên nhận trên là không đủ cơ sở chứng minh. Từ đó lời khai của bà V cho rằng đây là tiền lãi và đã được chốt lại bằng biên nhận ngày 08/8/2015 âm lịch, số tiền 1.650.000.000 đồng và đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, phần khởi kiện này của bà T không được chấp nhận, kháng cáo phần này của bà V được chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: 36.000.000 đồng + [(913.170.000 đồng – 800.000.000 đồng) x 3%] = 39.395.100 đồng.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Bà V và ông T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 295, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đình chỉ kháng cáo của ông Huỳnh Văn T1.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị V.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS – ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 479 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T với bà Nguyễn Thị V, ông Huỳnh Văn T1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền nợ hụi 59.350.000 đồng (năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T với bà Nguyễn Thị V, ông Huỳnh Văn T1 về việc yêu cầu bà T và ông T1 liên đới trả tiền vay số tiền 688.800.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến tháng 03/2019 với mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 224.370.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T tổng số tiền là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 được miễn án phí.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 39.395.100 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn một trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 7.063.000 đồng (bảy triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001424 ngày 15/3/2019 và 0001326 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà T phải nộp thêm 32.332.100 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn một trăm đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T1 được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng